

**MÃ CHƯƠNG: 418**

**ĐƠN VỊ: SỞ TÀI CHÍNH TỈNH SÓC TRĂNG**

**MÃ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NS: 1069898**

**CÔNG KHAI NGÂN SÁCH**  
**NĂM 2018**





## QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng NSNN)

ĐV tính: đồng

Số TT	NỘI DUNG	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
*	Nguồn Ngân sách trong nước				
I	Chi quản lý hành chính				
I.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.783.338.000	6.783.338.000	0	
I.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.465.064.282	5.465.064.282	0	



**SỔ TÀI CHÍNH SỐC TRĂNG**

Chương 418

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>0</b>
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>13.535.632.000</b>
*	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
<b>B.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>6.783.338.000</b>
1	Quỹ tiền lương	5.176.838.000
2	Kinh phí hoạt động theo định mức	1.606.500.000
<b>B.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>6.752.294.000</b>
1	Kinh phí hoạt động Pháp chế	309.760.000
2	Đăng nhập phần mềm đăng ký tài sản (theo Công văn số 10809/BTC-QLCS ngày 10/8/2012 của Bộ Tài chính)	6.000.000
3	Kinh phí điều tra xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất	113.600.000
4	Kinh phí Hội đồng thẩm định giá đất	205.945.131
5	Kinh phí điều tra chi phí sản xuất và tính giá thành cá tra năm 2018 (02 đợt)	40.704.000
6	Kinh phí điều tra chi phí sản xuất và tính giá thành Lúa 02 vụ năm 2018	75.400.000
7	Chi mua sắm trang phục thanh tra	20.222.000
8	Công tác phí Thanh tra	17.850.000
9	Kinh phí bồi dưỡng công tác tiếp dân	480.000
10	Mua sắm tài sản	217.500.000
11	Sửa chữa tài sản, tài sản khác, trang thiết bị và sửa chữa nhỏ ô tô	441.770.133
12	Trang bị hệ thống cầu thang thoát hiểm và hệ thống chống sét tại cơ quan theo yêu cầu của cơ quan PCCC	75.878.156
13	Công tác phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất trong và ngoài tỉnh	300.000.000
14	Kinh phí Ban Chỉ đạo 389 tỉnh	839.951.000
15	Ban biên tập công thông tin điện tử	153.060.000
16	Kinh phí thực hiện hệ thống ISO	39.000.000
17	Chi hoạt động Quỹ Phát triển đất	23.152.580
18	Chi khen thưởng công chức cấp bộ khen	9.100.000
19	Chi tiếp khách	70.000.000
20	Hỗ trợ công chức một cửa	7.200.000
21	Trang bị vật dụng xe ô tô mới nhận	14.946.000
22	Phần mềm kế toán	12.000.000
23	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh	13.600.000
24	Kinh phí sửa chữa xe ô tô biển kiểm soát 83D-0252	73.139.000
25	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức	95.800.000
26	Kinh phí tổ chức Hội nghị và tiếp khách (lễ tân, khánh tiết)	362.220.000
27	Kinh phí thực hiện Sắp xếp lại, xử lý nhà, đất	179.282.000
28	Kinh phí sửa chữa xe ô tô biển kiểm soát 83M-001.28	126.192.000
29	Kinh phí tổ chức thuê tư vấn xác định giá đất, giá khởi điểm đấu giá và tổ chức bán đấu giá tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh	638.180.000





30	Kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin	1.000.000.000
31	Kinh phí mở các lớp tập huấn cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh	945.232.000
32	Kinh phí tổ chức Đoàn công tác ngành tài chính	52.000.000
33	Kinh phí được giao bổ sung để thực hiện các công việc liên quan đến định giá đất, tài sản gắn liền với đất khi đấu giá QSD đất và tài sản gắn liền với đất thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn TPST	273.130.000





**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018**

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng NSNN)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

ĐV tính: đồng

Số TT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2018	Ước thực hiện/Dự toán năm 2018 (%)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (%)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>0</b>			
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>13.535.632.000</b>			
*	<b>Nguồn Ngân sách trong nước</b>	<b>13.535.632.000</b>			
<b>I</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>13.535.632.000</b>			
<b>I.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>6.783.338.000</b>	<b>5.967.616.000</b>	<b>88</b>	
<b>I.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>6.752.294.000</b>	<b>5.453.342.142</b>	<b>81</b>	
1	Kinh phí hoạt động Pháp chế	309.760.000	204.610.000	66	
2	Đăng nhập phần mềm đăng ký tài sản (theo Công văn số 10809/BTC-QLCS ngày 10/8/2012 của Bộ Tài chính)	6.000.000	3.929.785	65	
3	Kinh phí điều tra xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất	113.600.000	89.433.739	79	
4	Kinh phí Hội đồng thẩm định giá đất	205.945.131	195.681.251	95	
5	Kinh phí điều tra chi phí sản xuất và tính giá thành cá tra năm 2018 (02 đợt)	40.704.000	37.976.000	93	
6	Kinh phí điều tra chi phí sản xuất và tính giá thành Lúa 02 vụ năm 2018	75.400.000	69.825.000	93	
7	Chi mua sắm trang phục thanh tra	20.222.000	20.222.000	100	
8	Công tác phí Thanh tra	17.850.000	17.310.000	97	
9	Kinh phí bồi dưỡng công tác tiếp dân	480.000	480.000	100	
10	Mua sắm tài sản	217.500.000	217.460.000	100	
11	Sửa chữa tài sản, tài sản khác, trang thiết bị và sửa chữa nhỏ ô tô	441.770.133	441.705.680	100	
12	Trang bị hệ thống cầu thang thoát hiểm và hệ thống chống sét tại cơ quan theo yêu cầu của cơ quan PCCC	75.878.156	75.878.156	100	
13	Công tác phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất trong và ngoài tỉnh	300.000.000	251.413.940	84	
14	Kinh phí Ban Chỉ đạo 389 tỉnh	839.951.000	780.810.117	93	
15	Ban biên tập công thông tin điện tử	153.060.000	108.445.000	71	
16	Kinh phí thực hiện hệ thống ISO	39.000.000	39.000.000	100	
17	Chi hoạt động Quỹ Phát triển đất	23.152.580	23.152.580	100	
18	Chi khen thưởng công chức cấp bộ khen	9.100.000	9.100.000	100	
19	Chi tiếp khách	70.000.000	65.830.400	94	
20	Hỗ trợ công chức một cửa	7.200.000	7.200.000	100	
21	Trang bị vật dụng xe ô tô mới nhận	14.946.000	14.946.000	100	
22	Phần mềm kế toán	12.000.000	12.000.000	100	
23	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh	13.600.000	10.515.000	77	
24	Kinh phí sửa chữa xe ô tô biển kiểm soát 83D-0252	73.139.000	73.139.000	100	
25	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức	95.800.000	46.640.500	49	
26	Kinh phí tổ chức Hội nghị và tiếp khách (lễ tân, khánh tiết)	362.220.000	209.857.800	58	
27	Kinh phí thực hiện Sắp xếp lại, xử lý nhà, đất	179.282.000	124.986.305	70	
28	Kinh phí sửa chữa xe ô tô biển kiểm soát 83M-001.28	126.192.000	100.867.000	80	
29	Kinh phí tổ chức thuê tư vấn xác định giá đất, giá khởi điểm đấu giá và tổ chức bán đấu giá tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh	638.180.000	135.000.000	21	
30	Kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin	1.000.000.000	999.951.180	100	





31	Kinh phí mở các lớp tập huấn cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh	945.232.000	885.425.000	94	
32	Kinh phí tổ chức Đoàn công tác ngành tài chính	52.000.000	52.000.000	100	
33	Kinh phí được giao bổ sung để thực hiện các công việc liên quan đến định giá đất, tài sản gắn liền với đất khi đấu giá QSD đất và tài sản gắn liền với đất thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn TPST	273.130.000	128.550.709	47	





## BIÊN BẢN

### V/v xác định tiết kiệm kinh phí tự chủ năm 2018 và chi thu nhập tăng thêm cho công chức từ kinh phí tiết kiệm

Hôm nay, vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 09/01/2019 tại Hội trường Sở Tài chính, Ban Giám đốc tổ chức cuộc họp xác định mức tiết kiệm kinh phí tự chủ năm 2018 và mức chi thu nhập tăng thêm cho công chức trong cơ quan từ tiết kiệm khoản chi hành chính năm 2018.

#### I. Thành phần tham dự gồm:

1. Đ/c Chung Thanh Tâm, Giám đốc, Chủ tọa;
2. Đ/c Hoàng Văn Công, Phó Giám đốc, Bí thư Đảng ủy;
3. Đ/c Võ Thanh Văn, Phó Giám đốc
4. Đ/c Dương Quang Khánh, Phó Chủ tịch Công đoàn;
5. Trưởng các đơn vị thuộc Sở.
6. Đ/c Nguyễn Thị Tơ, Kế toán, Thư ký cuộc họp.

#### II. Nội dung:

1. Đ/c Hoàng Văn Công triển khai nội dung cuộc họp xác định tiết kiệm kinh phí tự chủ năm 2018 và chi thu nhập tăng thêm cho công chức từ kinh phí tiết kiệm.

2. Đ/c Nguyễn Thị Tơ báo cáo kết quả thực hiện tiết kiệm kinh phí khoản chi hành chính năm 2018 và phương án phân phối tiết kiệm tăng thu nhập cho công chức và người lao động:

a) Kết quả tiết kiệm kinh phí khoản chi hành chính năm 2018:

- Dự toán giao năm 2018: 6.783.338.000 đồng.

- Thực chi lương và hoạt động trong năm 2018 (bao gồm khen thưởng, phúc lợi tập thể): 5.967.616.000 đồng.

- Kinh phí tiết kiệm năm 2018: 815.722.000 đồng, trong đó:

b) Phương án phân phối tiết kiệm tăng thu nhập cho công chức và người lao động

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-STC ngày 02/02/2018 của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng về ban hành quy chế về chi tiêu nội bộ, quản lý và





sử dụng tài sản công của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng, các thành viên dự họp thống nhất phương án phân phối như sau:

- Hệ số bổ sung tăng thu nhập bình quân là: 1.446.250 đồng/người/tháng.

- Phương án phân phối cụ thể như sau

+ Đ/c Huỳnh Công Thiệt: Hưởng 100% hệ số của Phó trưởng phòng trong 03 tháng làm việc (từ tháng 01 đến tháng 3/2018), do đã nghỉ hưu từ tháng 4/2018.

+ Đ/c Nguyễn Trường Giang: Hưởng 100% hệ số của Phó trưởng phòng trong 09 tháng làm việc (từ tháng 01 đến tháng 9/2018), do đã nghỉ hưu từ tháng 10/2018.

+ Đ/c Nguyễn Truyền Thông: Hưởng 100% hệ số của Phó trưởng phòng trong 6,5 tháng làm việc (từ tháng 01 đến ngày 15/7/2018), do đã chuyển công tác từ ngày 15/7/2018.

+ Đ/c Nguyễn Thị Kim Ngân: Hưởng 100% hệ số của Chuyên viên trong 07 tháng làm việc (từ tháng 01 đến tháng 7/2018), do đã nghỉ hưu sản từ ngày 04/8/2018.

+ Đ/c Nguyễn Thanh Tuyên: Hưởng 80% hệ số của nhân viên hợp đồng theo ND 68 trong 10 tháng làm việc (từ tháng 01 đến tháng 10/2018), do đã nghỉ hưu sản từ ngày 25/10/2018 và trong năm 2018 hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực.

+ Đ/c Tạ Nguyễn Khôi: Hưởng 80% hệ số của Chuyên viên trong 12 tháng làm việc do trong năm 2018 hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực.

+ Đ/c Nguyễn Thị Gấm: Hưởng 100% hệ số nhân viên hợp đồng trong 03 tháng làm việc, do hợp đồng thử việc từ tháng 02/2018 đến tháng 04/2018 và hưởng 100% hệ số nhân viên hợp đồng theo ND 68 trong 8 tháng làm việc, do hợp đồng theo Nghị định 68 từ tháng 05 đến tháng 12/2018.

+ Đ/c Trần Hồng Sơn: Hưởng 100% hệ số Phụ trách phòng của 03 tháng, do hưởng phụ cấp trưởng phòng từ tháng 01/2018 đến tháng 3/2018 và hưởng 100% hệ số Phó trưởng phòng của 09 tháng, do hưởng phụ cấp phó trưởng phòng từ tháng 4/2018 đến tháng 12/2018.

+ Đ/c Bùi Phi Long: Hưởng 100% hệ số của Phó trưởng phòng của 06 tháng, do hưởng phụ cấp phó trưởng phòng từ tháng 01/2018 đến tháng 6/2018 và hưởng 100% hệ số chuyên viên của 06 tháng do được phân công nhiệm vụ chuyên viên từ tháng 7/2018 đến tháng 12/2018.

H.C.N

SỞ  
CHÍNH

ĐC T



- Các công chức còn lại hưởng 100% hệ số tương đương theo 12 tháng làm việc.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 8 giờ 30 phút cùng ngày, thư ký thông qua biên bản, các thành viên tham dự thống nhất và ký tên./.

THƯ KÝ

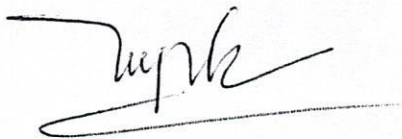


Nguyễn Thị Tư



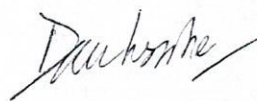
Chung Thanh Tâm

P.CHÁNH VĂN PHÒNG



Phạm Thị Tú Phương

P.CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Dương Quang Khánh

BÍ THƯ ĐẢNG ỦY



Hoàng Văn Công

**Nơi nhận:**

- Thành phần dự họp;
- KBNN tỉnh;
- Lưu: VP (VT, KT).



## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ năm 2018

#### I. Đánh giá chung

Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Sở Tài chính đã sử dụng kinh phí được giao đúng quy định, công khai minh bạch. Khoản tiết kiệm kinh phí hành chính, chi thu nhập tăng thêm cho công chức theo hệ số được quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ cơ quan và chi phúc lợi, chi hỗ trợ các đoàn thể được 100% công chức đồng tình, thống nhất tại Hội nghị công chức, tạo sự đồng thuận trong tập thể.

Công chức, người lao động trong cơ quan luôn có tinh thần trách nhiệm, chấp hành các quy định, quy chế cơ quan, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

#### II. Đánh giá cụ thể

##### 1. Biên chế

1.1. Tổng số biên chế được giao là 50 người (trong đó: 45 công chức trong biên chế, 05 công chức hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP).

1.2. Tổng số công chức và người lao động hiện có đến ngày 31/12/2018 là 47 người, trong đó: 42 công chức trong biên chế, 05 công chức hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

##### 2. Về thực hiện kinh phí tự chủ năm 2018

- Hàng năm cơ quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản cho phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan và được tổ chức phổ biến rộng rãi, dân chủ, công khai trong toàn cơ quan và có ý kiến thống nhất của tổ chức công đoàn trong Hội nghị công chức hàng năm.

- Việc quản lý và sử dụng kinh phí thường xuyên nhằm tiết kiệm kinh phí để có tăng thêm thu nhập cho công chức theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Tiếp tục thực hiện chương trình đổi mới cơ chế quản lý, nhằm mở rộng quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm của cơ quan hành chính trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính được giao, sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả; thực hiện công khai, dân chủ và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của công chức và người lao động.



- Trong năm, sau khi hoàn thành nhiệm vụ chi, tiết kiệm từ kinh phí chi hành chính với số tiền là 815.722.000 đồng (Dự toán giao năm 2018: 6.783.338.000 đồng; thực chi lương và hoạt động trong năm 2018: 5.967.616.000 đồng)

- Số chi thu nhập tăng thêm từ tiết kiệm kinh phí năm 2018 với mức bình quân là: 17.355.000 đồng/người.

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao: 12.03%

### 3. Các biện pháp tiết kiệm

- Tuyên truyền phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến từng công chức trong cơ quan.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với công tác dân vận chính quyền, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, cải cách hành chính nhằm phát huy vai trò làm chủ của công chức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Quản lý chặt chẽ việc sử dụng xe công, tiết kiệm trong công tác mua sắm tài sản cơ quan thông qua công tác chào hàng cạnh tranh; chủ động trong quản lý, sử dụng biên chế.

- Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, không để ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp về tiết kiệm chi phí như: Thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc đảm bảo đúng quy định; công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản công, góp phần tiết kiệm để tăng thu nhập cho công chức và người lao động;

Nhìn chung, kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính tại đơn vị trong năm 2018 đều thực hiện hoàn thành tốt; quy trình hành chính một cửa từng bước đạt chất lượng, cũng như số lượng công việc ngày càng nâng cao, rút ngắn được thời gian giải quyết công việc.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ./. *Mv*

#### Nơi nhận:

- Phòng QLNS và TC HCSN;
- Ban Giám đốc (để biết);
- Lưu: VP.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Sở